

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HSST
Ngày 17/01/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lượng.
Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Điều Thị Hương
Bà: Đỗ Thị Như

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/HSST ngày 07 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973 tại Thái Nguyên; nơi cư trú: thôn Quân Xóm, xã PT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; giới tính Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm: 1952 và bà Trần Thị H sinh năm 1954; bị cáo có vợ tên Lê Thị V, sinh năm 1979; bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm: 1999; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2019 cho đến nay (có mặt).

Bị hại: bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm: 1999; HKTT: ấp Bù Nôm, xã LP, huyện LN, tỉnh Bình Phước (có đơn vắng mặt);

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Mi T, sinh năm: 1990; HKTT: ấp Tân Phong, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước (có đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q sinh năm 1973 tại Thôn Quân Xóm, xã Phúc Thuận, Thị xã Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên đến huyện B làm thuê từ cuối năm 2018. Từ tháng 9 năm 2019, Q đến coi nhà cho cô ruột tên Nguyễn Thị Thu tại ấp Tân Lợi, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 09/11/2019, Nguyễn Văn Q đi bộ từ nhà ở ấp Tân Lợi xã A đến khu chợ tạm của xã A, huyện B gặp chị Đào Thị Nhung cùng ngụ ở ấp Tân Lợi, xã A để hỏi mượn xe mô tô của chị Nhung đi huyện Lộc Ninh có việc riêng nhưng không được chị Nhung đồng ý. Cùng lúc này Q nhìn thấy phía sau lưng chị Nguyễn Thị Ánh H,

Sn: 1999; HKTT: ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước buôn bán ở gần chị Nhung, có dựng một xe mô, hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ-đen-bạc, biển số 93G1-060.98 cắm sẵn chìa khóa trên xe nên Q nảy sinh ý định lấy trộm để bán kiếm tiền tiêu xài. Ngay sau đó, lợi dụng lúc chị H bán hàng không quan sát, Q đã đến nổ máy, lấy xe chạy ra đường ĐT759B đi về hướng huyện Lộc Ninh. Thấy có người lấy trộm xe của mình, chị H liền báo Công an xã A, huyện B để phối hợp cùng Công an xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh truy đuổi, bắt quả tang Nguyễn Văn Q về hành vi Trộm cắp tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10 ngày 12/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ đen bạc, biển số 93G1-060.98, số máy C52E-4449777, số khung 5212CY297731 tại thời điểm ngày 09/11/2019 có giá trị là 5.745.000đ (Năm triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số 07/Ctr-VKS ngày 06/01/2020 của VKSND huyện B truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu và xin hội đồng xét xử giảm nhẹ phạt giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận được lại tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

Vật chứng vụ án: Không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Các hoạt động tố tụng, các Quyết định của cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 09/11/2019, sau khi quan sát thấy bà Nguyễn Thị Ánh H đang bán buôn bán không để ý đến tài sản, Nguyễn Văn Q đã có hành vi lén lút lấy trộm một chiếc xe mô tô hiệu Honda loại Wave màu đỏ-đen-bạc biển kiểm soát 93G1-060.98 tại

chợ A, huyện B, tỉnh Bình Phước và nhanh chóng tẩu thoát. Khi đến xã Lộc tấn huyện Lộc Ninh thì bị lực lượng có chức năng kiểm tra bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10 ngày 12/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ đen bạc, biển số 93G1-060.98, số máy C52E-4449777, số khung 5212CY297731 tại thời điểm ngày 09/11/2019 có giá trị là 5.745.000đ (Năm triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q đã phạm vào tội trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố là đúng hành vi, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội tại địa phương, gây hoang mang cho dư luận. Bị cáo là người đã thành niên, ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện việc phạm tội nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần giao bị cáo về địa phương giám sát giáo dục bị cáo là đủ răn đe, giáo dục bị cáo và thể hiện sự khoan H của pháp luật đối với bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại được tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Vật chứng: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave màu đỏ-đen-bạc biển kiểm soát 93G1-060.98, số máy C52E-4449777, số khung 5212CY297731, Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho chị Nguyễn Thị Ánh H là có căn cứ nên HĐXX không đề cập xử lý.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về mức án đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự, vật chứng là phù hợp nên được chấp nhận.

Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về UBND xã PT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

2. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã (thị trấn);
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trần Văn Lượng